

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HC-PT

Ngày: 09/01/2025

V/v “Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà;

Các Thẩm phán: Ông Ong Thân Thắng;
Ông Nguyễn Mạnh Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thùy Trang, Thư ký viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyên- Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 449/2024/HC-PT ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với bản án hành chính sơ thẩm số 38/2024/HC-ST ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14158/2024/QĐ-PT ngày 16 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Hà Minh L; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số G đường N, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số F ngõ G K, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

1. Ông Phạm Hữu C; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số G N, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Số A, ngõ P, đường P, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Ông Trần Minh P; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số A N, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Số F đường Đ, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

3. Ông Đặng Đình P1; địa chỉ: Xóm C, xã T, huyện T, tỉnh Hòa Bình; có mặt.

4. Ông Ngô Duy H; nơi đăng ký thường trú: Số D N, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Số A phường Đ, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị Thu H1; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số C đường N, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Số B H, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

- Luật sư Trần Văn H2, Công ty L2 và Cộng sự thuộc đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: Lô A, khu Đ, phường D, quận C, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Luật sư Trần Đại P2, Công ty L3 thuộc đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: P, CT4 Khu đô thị M, quận N, thành phố Hà Nội; có mặt.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Lô B, Khu đô thị M, Sân bay C, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cáp Trọng T - chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc T1 - chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1. Ông Hoàng Hải N - chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường; vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn Q - chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất; vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Ngọc N1 - chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L; vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Đỗ Thị Minh T2; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số G đường N, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số F ngõ G K, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; đơn sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện và người đại diện hợp pháp của người khởi kiện thống nhất trình bày:

Diện tích đất gia đình ông L sử dụng tại số G đường N có nguồn gốc là đất do ông, cha của ông Phạm Hữu C khai hoang, vượt lập từ năm 1967. Năm 1993, gia đình ông L nhận chuyển nhượng diện tích đất từ ông C (có giấy tờ mua bán viết tay ngày 12/5/1993 và có xác nhận của UBND phường L). Quá trình sử dụng

đất, năm 1996, thực hiện Dự án Đường E, Nhà nước đã thu hồi một phần diện tích đất của gia đình ông L và xác định loại đất là đất ở, đủ điều kiện bồi thường toàn bộ diện tích đất bị thu hồi. Năm 2001, UBND phường L tiến hành khảo sát, đo đạc thực tế hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông L và cấp cho gia đình Biên bản xác định ranh giới và hồ sơ kỹ thuật thửa đất xác định gia đình ông L sử dụng 69,7m². Năm 2018, Trung tâm K lập Trích lục địa chính số 69/2020-TL ghi nhận gia đình ông L sử dụng 84m² đất ở. Trong suốt quá trình sử dụng đất, gia đình ông L không có tranh chấp, không có hành vi vi phạm về đất đai, được các cơ quan hành chính qua nhiều thời kỳ ghi nhận nên đủ điều kiện được bồi thường 100% giá trị quyền sử dụng 84m² đất và vật kiến trúc trên đất - khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai 2013.

Tuy nhiên, khi thu hồi UBND phường và quận đã xác định sai nguồn gốc đất, diện tích thu hồi (chỉ xác định và chi trả bồi thường diện tích đất 60,91m²), không bồi thường đủ giá trị đất (50%) mà không cung cấp được văn bản chứng minh là không đúng. Hợp tác xã N3 là hợp tác xã N3, có trụ sở nằm trên địa giới hành chính huyện A (nay là quận L), tách biệt với quận N, giới hạn bởi đường L và đường An Kim H3; nên việc cho rằng diện tích đất của gia đình ông L thuộc hồ cá Hợp tác xã N3 là không có căn cứ, không có tài liệu chứng minh Hợp tác xã N3 được UBND quận N giao đất, không có biên bản hay quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với gia đình ông L.

UBND phường và quận cho rằng ông L có hành vi xây dựng trái phép nhà, lều quán, lò gạch, ngôi, lò vôi và các công trình khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (đường An Kim H3) và lập biên bản vi phạm hành chính, biên bản xác minh tình tiết vi phạm mà không thông báo, gia đình ông L không được giải trình là không đúng. Căn cứ Trích lục địa chính số 69/2020-TL, gia đình ông L không có hành vi lấn chiếm 23,09m² hành lang đường An Kim H3. Từ đó dẫn đến việc ban hành Quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là không đúng.

Khi thu hồi đất, gia đình ông L được hỗ trợ tạm lánh để thuê nhà trong khi chờ đợi việc xây dựng công trình nhà ở trên đất tái định cư; tuy nhiên đến nay đã 01 năm nhưng gia đình ông L chưa nhận được đất tái định cư trong khi số tiền hỗ trợ đã sử dụng hết nên gia đình ông L đề nghị chi trả tiền tạm lánh cho đến khi nhận được đất và hỗ trợ thêm 06 tháng tạm lánh cho đến khi nhận được đất.

Hộ gia đình ông L có ba hộ gia đình, tách thành ba khẩu riêng biệt, cụ thể: Hộ ông L, hộ anh Hà Hải N2, hộ anh Hà Hải L1. Gia đình ông mới được cấp 01 suất tái định cư, còn hai suất tái định cư hộ phụ chưa được cấp. Do vậy ông đề nghị UBND quận phải cấp cho ông thêm 02 suất tái định cư nữa. Tại phiên tòa ông xác định UBND quận N đã cấp 02 suất tái định cư cho hộ anh N2 và hộ anh

L1 nên ông không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề cấp tái định cư cho hộ anh N2 và anh L1 nữa.

Tại phiên toà ông đề nghị UBND quận bồi thường cho ông với giá đất như phương án bồi thường là chưa chính xác bởi lẽ diện tích đất của ông nằm ở hai mặt đường N và Bạch Thái B nên phải được tăng thêm 10% theo quy định tại điểm d khoản 11 quy định về bảng giá đất thành phố năm 2020-2024 ban hành kèm theo Quyết định số 54 năm 2019 so với quyết định phê duyệt số 1353 ngày 26/5/2022. Ông đề nghị UBND quận N phải bồi thường cho ông 100% số tiền bồi thường về đất với diện tích 69,7m² theo trích lục địa chính năm 2001 chứ không phải là 84m² như trong quá trình giải quyết vụ án ông đã yêu cầu.

Do vậy ông Hà Minh L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 3110/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của Ủy ban nhân dân quận N về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án cải tạo chung cư cũ trên đại bàn phường Đ (giai đoạn 1).

- Hủy Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của Ủy ban nhân dân quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi đất để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án cải tạo chung cư cũ trên đại bàn phường Đ (giai đoạn A) tại phường L, quận N (gọi tắt là Quyết định 3148).

- Hủy Quyết định số 2563/QĐ-KPHQ ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (gọi tắt là Quyết định 2563).

- Hủy Quyết định số 2897/QĐ-SĐBSHB ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc sửa đổi, bổ sung một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính (gọi tắt là Quyết định 2897).

- Hủy Quyết định số 3609/QĐ-CCXP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả (gọi tắt là Quyết định 3609).

Tại Văn bản trình bày ý kiến, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Diện tích đất của hộ ông Hà Minh L bị thu hồi có nguồn gốc là đất hồ cá của Hợp tác xã N3, ông Phạm Hữu C tự vượt lập trước năm 1980; diện tích 130m². Đến ngày 12/5/1993 ông Phạm Hữu C chuyển nhượng cho ông Hà Minh L, diện tích chuyển nhượng 80m² - Đơn xin chứng nhận nhượng lại nhà ở.

Theo bản đồ địa chính đường 5 năm 1996 ghi hộ ông Hà Minh L sử dụng diện tích đất 147,41m² thuộc thửa 105b+105a+105; diện tích theo chỉ giới thu hồi là 86,50m² thuộc thửa 105b (thực tế thu hồi 88,7m² bao gồm 40m² đất hồ đầm và

44,7m² đất tự san lấp trong đó 2,2m² bồi thường ngoài bản đồ địa chính); diện tích còn lại là 60,91m² (là phần diện tích còn lại trong tổng số 80m² đất chuyển nhượng của ông Phạm Hữu C ngày 12/5/1993); phần nhà cũ do hộ ông C chuyển nhượng không bị lấy vào. Phần diện tích 60,91m² hộ ông C (là chủ cũ) tự ý chuyển nhượng mục đích sử dụng đất trước 15/10/1993 (căn cứ phiếu ý kiến khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất; Biên bản xác minh việc quản lý sử dụng nhà đất của hộ ông Hà Minh L số 76 N).

Năm 2001, khi đo vẽ Bản đồ địa chính phường L, ông L đứng tên sử dụng đất tại thửa 513, tờ bản đồ địa chính LT23; diện tích 69,7m²; mục đích sử dụng: Làm nhà ở. Diện tích biến động tăng 8,79m² là do sử dụng ra nương An Kim H3.

Năm 2020 lập Trích lục địa chính số 69/2020/TL-1/500 hộ ông Hà Minh L sử dụng đất tại thửa 82, diện tích 84,0m². Diện tích biến động tăng 14,3m² so với bản đồ địa chính năm 2001 là do tiếp tục sử dụng ra nương An Kim H3.

Căn cứ nguồn gốc sử dụng đất các hộ gia đình có đất bị thu hồi thực hiện Dự án do UBND phường L báo cáo; Phòng T3 thẩm định, Ủy ban nhân dân quận N đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Theo kết quả thẩm định, hộ ông L bị thu hồi 84m² đất, đủ điều kiện bồi thường về đất ở với diện tích 60,91m² nhưng phải thực hiện nghĩa vụ tài chính 50% theo quy định tại Điều 74; Điều 75 Luật Đất đai; khoản 2 Điều 6 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ. Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17/11/2022; Quyết định 3976/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và Quyết định số 3116/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 về việc thu hồi đất đối với hộ ông Hà Minh L. Theo đó hộ ông L được bồi thường về đất: 405.051.500 đồng; bồi thường về vật kiến trúc: 764.501.874 đồng; hỗ trợ di chuyển: 5.000.000 đồng và các khoản hỗ trợ khác 41.000.000 đồng; hộ ông L đủ điều kiện giao 01 suất đất tái định cư hộ chính và 02 suất tái định cư hộ phụ là đảm bảo quy định của pháp luật.

Căn cứ Bản đồ địa chính thực hiện Dự án đường 5 năm 1996 và phương án bồi thường thì phần diện tích đất còn lại sau thu hồi đất phục vụ dự án tuyến đường 5 kéo dài đủ điều kiện bồi thường là đất ở. Đối chiếu với Bản đồ địa chính phường Lạch Tray năm 2001, Trích lục địa chính năm 2020 thì phần diện tích đất biến động tăng được xác định là đất do các hộ dân chiếm dụng. Căn cứ bản đồ địa chính phường Lạch Tray năm 2001 (phần diện tích đất TL - Thủy lợi) và bản đồ địa chính thực hiện Dự án Đường 5 năm 1996 thì phần diện tích biến động tăng sau khu thu hồi đất phía nương An Kim H3 là đất thuộc phạm vi công trình thủy lợi. Vì vậy, Ủy ban nhân dân phường L đã lập biên bản vi phạm hành chính và biên bản xác minh tình tiết vi phạm đối với hộ ông Hà Minh L. Việc lập biên bản vi phạm hành chính, biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính là đảm bảo đúng quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Do hành vi xây dựng kết thúc vào năm 2006, đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính. Vì vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N đã ban hành Quyết định số 2563/QĐ-KPHQ ngày

07/10/2022 về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, Quyết định số 2897/QĐ-SĐBSHB ngày 02/11/2022 về việc sửa đổi Quyết định số 2563/QĐ-KPHQ và Quyết định số 3609/QĐ-CCXP ngày 12/12/2022 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị Minh T2 nhất trí với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hà Minh L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2024/HC-ST ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 30, 32, 116, 157, 158, 193, 194, 206 và 348 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 62, 66, 67, 69, 71, 75, 79, 83, 86, 92 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 18, 28, 38, 54, 59, 65, 66, 85, 86 và 87 của Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ khoản 1 Điều 5, điểm c khoản 5 Điều 12 Nghị định số 140/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Điều 14 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

X: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hà Minh L về việc:

- Hủy Quyết định số 3110/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận N về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các Dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn 1).

- Hủy Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các Dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn 1) tại phường L, quận N, thành phố Hải Phòng (kèm theo phương án bồi thường của hộ gia đình ông Hà Minh L).

- Hủy Quyết định số 2563/QĐ-KPHQ ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

- Hủy Quyết định số 2897/QĐ-SĐBSHB ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc sửa đổi, bổ sung một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính.

- Hủy Quyết định số 3609/QĐ-CCXP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngoài ra, tòa án sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/5/2024, người khởi kiện ông Hà Minh L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Hà Minh L và người đại diện theo ủy quyền xin rút các yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 3110/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận N về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các Dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn 1).

- Hủy Quyết định số 2563/QĐ-KPHQ ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

- Hủy Quyết định số 2897/QĐ-SĐBSHB ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc sửa đổi, bổ sung một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính.

- Hủy Quyết định số 3609/QĐ-CCXP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

- Yêu cầu UBND quận N bồi thường thêm 10% giá trị đất do đất tiếp giáp hai mặt đường.

- Yêu cầu chi trả phần hỗ trợ tạm lánh cho gia đình người khởi kiện từ khi bàn giao đất cho đến khi gia đình nhận được bàn giao tái định cư.

Đề nghị chỉ xem xét và giải quyết hủy Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các Dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn 1) tại phường L, quận N, thành phố Hải Phòng (kèm theo phương án bồi thường của hộ gia đình ông Hà Minh L).

Người khởi kiện ông Hà Minh L, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, hủy Quyết định số 3148, buộc Ủy ban nhân dân quận N phải thay đổi, bổ sung thêm phương án bồi thường cho nhà ông L, bồi thường đầy đủ 100% giá trị đất ở mà không phải thực hiện nghĩa vụ tài chính.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo trong hạn luật định, nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện ông Hà Minh L; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Hà Minh L được nộp trong thời hạn quy định của pháp luật nên đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 30 của Luật Tố tụng hành chính. Người bị kiện là Ủy ban nhân dân quận N và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Về quyền khởi kiện: Trong các quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, cấp tái định cư, quyết định buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đều ghi đối tượng bị áp dụng là ông Hà Minh L. Vì vậy, ông Hà Minh L có quyền yêu cầu Tòa án tuyên hủy các quyết định trên.

[1.4] Về thời hiệu khởi kiện: Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định 3148/QĐ-UBND ngày 17/11/2022; Quyết định số 3110/QĐ-UBND ngày 17/11/2022; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N ban hành Quyết định vào tháng 10 và tháng 12 năm 2022. Vì vậy, ngày 23/8/2023 và ngày 31/10/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nhận được đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung của ông Hà Minh L là vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[1.5] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án đã thực hiện việc triệu tập hợp lệ đối với các đương sự, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Ngô Duy H; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là luật sư Trần Văn H2; người bị kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Minh T2 vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm của người khởi kiện ông Hà Minh L, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Tại phiên Tòa ông Hà Minh L xin rút yêu cầu khởi kiện hủy các quyết định: Hủy Quyết định số 3110/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận N về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các Dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đ (giai đoạn 1); Hủy Quyết định số 2563/QĐ-KPHQ ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Hủy Quyết định số 2897/QĐ-SĐBSHB ngày 02 tháng 11 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc sửa đổi, bổ sung một phần quyết định trong xử phạt vi phạm hành chính; Hủy Quyết định số 3609/QĐ-CCXP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận N về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Yêu cầu UBND quận N bồi thường thêm 10% giá trị đất do đất tiếp giáp hai mặt đường; Yêu cầu chi trả phần hỗ trợ tạm lánh cho gia đình người khởi kiện từ khi bàn giao đất cho đến khi gia đình nhận được bàn giao tái định cư.

Tuy nhiên, tại văn bản số 4430/UBND- TNMT ngày 03 tháng 12 năm 2024 người bị kiện đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm; không đồng ý yêu cầu bổ sung hoặc rút một phần nội dung khởi kiện của người khởi kiện.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc Tòa án sơ thẩm đã xử bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về việc hủy các quyết định nêu trên là có căn cứ, nên

người khởi kiện đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, nên cần chấp nhận. Do người bị kiện không đồng ý yêu cầu bổ sung hoặc rút một phần nội dung khởi kiện của người khởi kiện; nên Hội đồng xét xử cần xử bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm bác yêu cầu hủy các định nêu trên.

[2.2] Đối với yêu cầu của ông Hà Minh L về việc hủy Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, Hội đồng xét xử thấy:

[2.2.1] Ngày 17/11/2022, UBND Ngô Quyền ban hành Quyết định số 3110/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông L; cùng ngày ban hành Quyết định số 3148/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (trong đó có hộ ông L) là đúng thẩm quyền và thời hạn ban hành quyết định theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66 và điểm a khoản 3 Điều 69 của Luật Đất đai năm 2013. Theo Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt, hộ ông L được bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền về đất là 2.524.719.500 đồng. Trong đó diện tích đất được bồi thường là 60,91m² với đơn giá là 41.450.000 đồng/m², sau khi thực trừ đi nghĩa vụ tài chính phải thực hiện (trừ 100% giá trị quyền sử dụng đất tính theo đơn giá tại bảng giá đất theo Quyết định số 54/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố H) với số tiền là 2.119.668.000 đồng; số tiền bồi thường về đất còn lại hộ ông L được nhận là 405.051.500 đồng. Ngoài ra hộ ông L còn được bồi thường về vật kiến trúc với số tiền 764.501.500 đồng và tiền bồi thường chi phí di chuyển là 5.000.000 đồng, các khoản hỗ trợ khác là 41.000.000 đồng. Hộ ông L được cấp 01 suất tái định cư. Đến ngày 30/12/2022 UBND quận N ban hành Quyết định số 3928/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 05 hộ gia đình có đất bị thu hồi trong đó có hộ ông L. Theo Quyết định số 3928 thì hộ ông L được điều chỉnh tiền nghĩa vụ tài chính phải nộp 50% của 60,91m² x 34.800.000 = 1.059.834.000 đồng mà không phải là số tiền 2.119.668.000 đồng như Quyết định 3148.

[2.2.2] Ông L cho rằng hộ gia đình ông phải được bồi thường về đất với diện tích như trích đo địa chính năm 2001 là 69,7m² mà không phải nộp nghĩa vụ tài chính, việc Ủy ban nhân dân quận N xác định sai nguồn gốc đất dẫn đến việc trừ 50% tiền bồi thường về đất của gia đình ông là không đúng.

[2.2.3] Theo nội dung trả lời khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của các hộ dân tại quận N ban hành kèm theo Thông báo số 673/TB-UBND ngày 18/11/2022 của UBND thành phố H thì đất của các hộ dân (trong đó có hộ ông L) đang sử dụng nguyên là hồ cá của Hợp tác xã N3, tự vượt lập từ năm 1960 đến năm 1980 (tự ý chuyển mục đích sử dụng đất từ đất ao thành đất ở trước ngày 15/10/1993). Điều này cũng phù hợp với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm ông C là người bán cho ông L khai đất là do ông vượt lập từ hồ ao. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai quy định “Giấy tờ chuyển nhượng sử dụng đất,

mua bán nhà ở gắn liền với đất ở trước ngày 15/10/1993 được UBND xã xác nhận là đã sử dụng trước 15/10/1993”. Tuy nhiên trong nội dung xác nhận của UBND phường xác nhận “...nhà tự làm trên mảnh đất công...”. Do đó không đủ cơ sở xác định hộ ông L có đầy đủ giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai.

[2.2.4] Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở khẳng định tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất, ông C đã có hành vi vi phạm tự ý chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Tại thời điểm UBND quận N thực hiện việc thu hồi đất vào năm 2022, không có văn bản, tài liệu thể hiện diện tích đất trên đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất ở. Tuy nhiên, do hộ ông L đã xây dựng nhà và sinh sống ổn định trên đất nhiều năm, không có tranh chấp; việc sử dụng đất phù hợp với quy hoạch. Vì vậy, UBND quận N lập phương án bồi thường về đất cho hộ ông L với diện tích được bồi thường là 60,91m² nhưng trừ 50% số tiền được bồi thường là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 75 của Luật Đất đai năm 2013, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông Hà Minh L không được chấp nhận.

[3] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Hà Minh L là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Hà Minh L. Giữ nguyên quyết định của Bản án án hành chính sơ thẩm số 38/2024/HC-ST ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

2. Về án phí: Ông Hà Minh L được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Hà